**Trường THPT MARIE CURIE**

**Tổ Sinh học BẢNG MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN SINH HỌC 10 - NĂM HỌC 2022 – 2023**

**HÌNH THỨC KIỂM TRA: 100% TRẮC NGHIỆM (40 CÂU)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung**  **kiến thức** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra** | **Điểm** |
| **Các cấp độ tổ chức của thế giới sống** | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm cấp độ tổ chức của thế giới sống.  - Nhận biết được các đặc điểm của tổ chức sống.  - Kể tên các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống.  - Nhận biết các cấp cơ bản của thế giới sống  - Nhận biết được các loài sinh vật có chung tổ tiên.  - Nhận biết được thế giới sống liên tục tiến hóa.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được tổ chức sống là một hệ mở và tự điều chỉnh.  - Trình bày được nguyên tắc thứ bậc của thế giới sống.  - Trình bày được sự khác nhau giữa sinh vật và vật vô sinh.  - Hiểu được quần thể sinh vật, quần xã sinh vật.  - Hiểu được sự đa dạng của thế giới sống.  **Vận dụng:**  - Giải thích một số hiện tượng thực tế đơn giản liên quan nguyên tắc thức bậc, hệ thống mở và tự điều chỉnh. | **1.0 đ**  **0.75 đ**  **0.25 đ** |
| **Thành phần hóa học của tế bào** | **Nhận biết:**  - Nêu được số lượng nguyên tố tham gia vào cấu tạo sự sống.  - Tỉ lệ C, H, O, N trong tế bào.  - Nêu được C là nguyên tố quan trọng.  - Liệt kê được một số nguyên tố hoá học chính có trong tế bào (C, H, O, N, S, P). - Kể tên được các nguyên tố vi lượng, đa lượng trong tế bào. - Nêu được đặc điểm cấu tạo của phân tử nước.  - Nêu được tên liên kết trong phân tử nước.  - Nêu được tính chất của phân tử nước.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được vai trò của các nguyên tố vi lượng, đa lượng trong tế bào.  - Trình bày được vai trò sinh học của nước trong tế bào.  - Trình bày cách bảo quản thực phầm và vai trò lực liên kết của các phân tử nước.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng kiến thức giải thích một số hiện tượng thực tế liên quan các nguyên tố hóa học và nước. | **1.0đ**  **0.75 đ**  **0.25 đ** |
| **Cấu trúc tế bào** | **Nhận biết**  - Kể tên được các thành phần cấu tạo trong lưới nội chất; ti thể; lục lạp; màng sinh chất.  - Xác định được vị trí, hình dạng, mô tả được cấu tạo và chức năng của của các thành phần trong tế bào: lưới nội chất; ti thể; lục lạp; màng sinh chất.  **Thông hiểu**  - Trình bày được điểm giống nhau về cấu tạo của lục lạp và ti thể.  - Trình bày được điểm khác nhau về cấu tạo của lưới nội chất trơn và lưới nội chất hạt.  - Phân biệt được sự đúng, sai về cấu tạo và chức năng của ti thể, lục lạp, màng sinh chất và lưới nội chất.  **Vận dụng**  - Vận dụng kiến thức giải thích các vấn đề đơn giản liên quan bào quan ti thể, màng sinh chất.  **Vận dụng cao**  - Vận dụng kiến thức giải thích các vấn đề thục tiễn liên quan ti thể và lục lạp. | **1.0 đ**  **0.5 đ**  **0.25 đ**  **0.25 đ** |
| **Trao đổi và chuyển hóa năng lượng ở tế bào** | **Nhận biết**  - Nhận biết được khái niệm đồng hóa và dị hóa.  - Nêu được khái niệm và cơ chế của các con đường vận chuyển các chất qua màng.  - Nêu được các chất có thể qua màng bằng các phương thức khác nhau.  - Nêu được khái niệm nhập bào, xuất bào.  - Nêu được tên các phương thức nhập bào.  - Nêu được khái niệm chuyển hóa năng lượng trong tế bào.  - Liệt kê được dạng năng lượng phổ biến trong tế bào.  - Nêu được các thành phần cấu tạo ATP.  - Nêu được chức năng của ATP.  - Nêu được khái niệm enzim.  - Nêu được chức năng của enzim.  **Thông hiểu**  - Phân biệt được cơ chế các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: vận chuyển thụ động, chủ động.  - Trình bày được đặc điểm chung của hiện tượng nhập bào và xuất bào.  - Phân loại được các chất khuếch tán trực tiếp qua màng.  - Hiểu được nguyên nhân và cơ chế vận chuyển chủ động và nhập xuất bào cần năng lượng.  - Giải thích được tại sao ATP là đồng tiền năng lượng của tế bào.  - Trình bày được ức chế ngược qua sơ đồ minh họa.  - Trình bày được liên kết cao năng trong phân tử ATP.  **Vận dụng**  - Vận dụng những hiểu biết về cách vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn.  - Giải thích được hiện tượng thực tế đơn giản liên quan kiến thức enzyme  **Vận dụng cao**  - Dự đoán và giải thích thí nghiệm các hiện tượng thực tế cuộc sống.   * Vận dụng kiến thức về emzyme giải thích các hiện tượng thực tế cuộc sống. | **2.0 đ**  **1.0 đ**  **0.5 đ**  **0.5 đ** |
| **TỔNG** |  | **10 điểm** |